TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2025/HS-ST
Ngày: 19-9-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoài Nam Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Vạn Phúc – Giáo viên hưu trí;

2. Ông Hoàng Văn Định.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Nhật Lan Anh – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa:

1. Ông Phạm Văn Út – Kiểm sát viên thuộc Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (Được biệt phái Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát việc xét xử tại phiên tòa Sơ thẩm);

2. Bà Trần Thủy Quỳnh Trang – Kiểm sát viên thuộc Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 19 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm kín vụ án hình sự thụ lý số 28/2025/TLST-HS ngày 15 tháng 7 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 130/2025/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2025/HSST-QĐ ngày 12 tháng 9 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. DƯƠNG THANH D; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 21/7/2000; Nơi sinh: Thành phố H; Hộ khẩu thường trú: 50/7 H, Khu phố A, xã N (trước đây thị trấn N, huyện N), Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Bảo vệ; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Dương Quốc S (chết) và bà Trần Thị Kim D1; có một con sinh năm 2022.

Tiền án, tiền sự: Không có.

Nhân thân: Không có.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/9/2024.

(Bị cáo D có mặt)

2. NGUYỄN ĐỨC C; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 11/01/2004; Nơi sinh: Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú: 576/147 Đ, phường K (trước đây là Phường A, Quận D), Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Phước Đ và bà Nguyễn Thị L.

Tiền án, tiền sự: Không có.

Nhân thân: Không có.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/9/2024.

(Bị cáo C có mặt)

- *Bị hại: Trẻ Nguyễn Lê Ánh N, sinh ngày: 13/8/2011.*

Hộ khẩu thường trú: 874/14/15 Đoàn Văn B, phường X (trước đây là Phường 14, Quận 4), Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 115/21/13 Phạm Hữu Lầu, phường Tân Mỹ (trước đây là phường T, Quận G), Thành phố Hồ Chí Minh

- *Người đại diện hợp pháp của bị hại trẻ Nguyễn Lê Ánh N:*

1. Bà Lê Thị L1, sinh năm 1980. (Là mẹ của bị hại trẻ Nguyễn Lê Ánh N)

2. Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1975. (Là cha của bị hại trẻ Nguyễn Lê Ánh N)

Địa chỉ: 115/21/13 P, phường T (trước đây là phường T, Quận G), Thành phố Hồ Chí Minh

(Ông H và bà L1 có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1972.

Địa chỉ: 5 Đ, phường K (trước đây Phường A, Quận D), Thành phố Hồ Chí Minh. *(Bà L vắng mặt).*

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại trẻ Nguyễn Lê Ánh N:* Luật sư Nguyễn Thị Kim L2 – Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố H.

Địa chỉ: D N, phường V, Thành phố Hồ Chí Minh (trước đây là 470 N, Phường I, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh).

(Luật sư L2 có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo Dương Thanh D:*

1. Luật sư Vũ Quốc T1 – Công ty L4 – Thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H.

Địa chỉ: 2 T, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh (trước đây là 229/16 T, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh).

(Luật sư T1 vắng mặt)

2. Luật sư Trần Văn T2 – Công ty L5 – Thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H.

Địa chỉ: P.1-03.03, tầng 3, cao ốc T, B M, phường B (trước đây là phường A, Thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh.

(Luật sư T2 có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đức C:*

1. Luật sư Trần T3 – Công ty L6 – Thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H.

Địa chỉ: Số B đường T, phường P (trước đây là phường T, quận T), Thành phố Hồ Chí Minh.

(Luật sư T3 có mặt)

2. Luật sư Trần Việt L3 – Công ty L6 – Thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H.

Địa chỉ: Số B đường T, phường P (trước đây là phường T, quận T), Thành phố Hồ Chí Minh.

(Luật sư L3 vắng mặt)

3. Luật sư Lê Thiên Ấ – Công ty L6 – Thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H.

Địa chỉ: Số B đường T, phường P (trước đây là phường T, quận T), Thành phố Hồ Chí Minh.

(Luật sư Ấ có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 01/6/2024, bị hại trẻ Nguyễn Lê Ánh N (sinh ngày 13/8/2011, nơi thường trú: 874/14/15 Đ, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh) sử dụng mạng xã hội Facebook với tài khoản Facebook tên "Ánh Qọk" kết bạn với tài khoản Facebook tên "Nguyên A" (bị cáo Nguyễn Đức C sử dụng) để nhắn tin nói chuyện với nhau. Đến giữa tháng 6/2024, bị hại trẻ Nguyễn Lê Ánh N và bị cáo Nguyễn Đức C nảy sinh tình cảm với nhau nên bị cáo C nhắn tin rủ bị hại trẻ N gọi video để quay ngực và bộ phận sinh dục bị hại trẻ N, còn bị cáo C quay bộ phận sinh dục nam. Bị hại trẻ N đồng ý gọi video khỏa thân với bị cáo C.

Ngày 24/6/2024, bị cáo C nhắn tin nói với bị hại trẻ N là video khỏa thân của bị hại trẻ N đã bị một người bạn của bị cáo C copy clip đăng lên mạng xã hội và cần số tiền 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng) để gỡ bỏ video đã đăng tải, xóa video và gửi lại video gốc cho bị hại trẻ N. Đồng thời, bị cáo C cho số tài khoản 30892247 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á (A1) tên "NGUYEN DUC C" để bị hại trẻ N chuyển tiền. Lúc này bị hại trẻ N lo sợ nên đã đến tiệm T5 (địa chỉ số F T, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh) do ông Nguyễn Quốc S1 làm chủ và nhờ ông S1 chuyển số tiền 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng) vào tài khoản số 30892247 tại Ngân hàng A1 theo yêu cầu của bị cáo C. Sau đó, bị hại trẻ N hỏi bị cáo C về tài khoản tên "NGUYEN DUC C" thì bị cáo C nói là tài khoản ngân hàng của bạn nhờ xóa video khỏa thân.

Sau đó, bị cáo C nhiều lần nhắn tin với bị hại trẻ N là chưa xóa được video khỏa thân của bị hại trẻ N và cần thêm tiền để nhờ bạn gỡ bỏ trên trang mạng xã hội, bị cáo C yêu cầu bị hại trẻ N tiếp tục đưa tiền. Từ tháng 6/2024 đến tháng 7/2024, bị hại trẻ N đã nhiều lần chuyển tiền vào tài khoản số 30892247 tại Ngân hàng A1 tên "NGUYEN DUC C" và tài khoản số 1090999999910 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần K (T6) tên "NGUYEN DUC C" với tổng số tiền là 18.600.000 đồng (mười tám triệu sáu trăm ngàn đồng).

Ngày 14/8/2024, bị cáo C nhắn tin kêu bị hại trẻ N đến nhà số E Đ, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh để lấy chiếc nhẫn bị cáo C tặng cho bị hại trẻ Ngọc mừng sinh nhật, bị hại trẻ N đồng ý. Tại phòng trên lầu 2 nhà bị cáo C, bị cáo C kêu bị hại trẻ N dùng miệng tiếp xúc dương vật của bị cáo C, bị hại trẻ N đồng ý. Trong lúc bị hại trẻ N dùng miệng tiếp xúc dương vật của bị cáo C thì bị cáo C kêu

bị hại trẻ N cho quan hệ tình dục nhưng bị hại trẻ N không đồng ý. Sau đó, trẻ N lấy nhẫn bị cáo C tặng rồi ra về.

Khoảng giữa tháng 8/2024, bị cáo C tiếp tục nhắn tin với bị hại trẻ N là không gỡ được video khỏa thân của bị hại trẻ N và tiếp tục đưa số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) cho bị cáo C, bị hại trẻ N đồng ý. Vào các ngày 21/8/2024, ngày 30/8/2024, bị hại trẻ N đưa tiền mặt cho bị cáo C 02 (hai) lần tổng cộng là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) gần trường T7, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh (bị hại trẻ N khai số tiền trên do tiết kiệm từ tiền lì xì Tết, sinh nhật). Đến ngày 03/9/2024, bà Lê Thị L1 (mẹ của trẻ N) phát hiện vụ việc nên đưa bị hại trẻ N đến Công an P1, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh trình báo.

Quá trình điều tra, bị hại trẻ N khai ngoài việc bị bị cáo Nguyễn Đức C có hành vi chiếm đoạt tài sản và thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác như trên, bị hại trẻ N còn bị bị cáo Dương Thanh D hiếp dâm nhiều lần, cụ thể như sau:

Ngày 23/7/2024, thông qua mạng xã hội Facebook thì bị cáo Dương Thanh D kết bạn với bị hại trẻ N và nhắn tin nói chuyện với nhau khoảng 03 (ba) ngày thì nảy sinh tình cảm. Sau đó, bị cáo D nhắn tin rủ bị hại trẻ N vào khách sạn để quan hệ tình dục, bị hại trẻ N đồng ý. Đến 13 giờ 30 phút ngày 26/7/2024, bị cáo D sử dụng xe mô tô hiệu Honda Airblade, màu đỏ đen, biển số 59ZA – 022.38 đến trường Trung học Cơ sở K1, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh rồi chở bị hại trẻ N đến khách sạn "Lavender", số G đường D, Phường F, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh thuê phòng số 303. Tại phòng khách sạn, bị cáo D và bị hại trẻ N nằm ôm hôn nhau, bị cáo D dùng 02 (hai) tay và miệng tiếp xúc vú của bị hại trẻ N rồi đưa dương vật vào âm đạo của bị hại trẻ N để quan hệ tình dục, bị cáo D cho xuất tinh ra ngoài. Sau đó, bị cáo D chở bị hại trẻ N về nhà.

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 03/8/2024, bị cáo D điều khiển xe mô tô hiệu Honda Airblade, màu đỏ đen, biển số 59ZA – 022.38 đến chung cư P, huyện N đón và chở bị hại N đến khách sạn "Bảo An", số 27, lô B đường D5, khu dân cư P, phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh thuê phòng số 301. Khi vào phòng, bị cáo D và bị hại trẻ N nằm ôm hôn nhau, bị cáo D dùng 02 (hai) tay và miệng tiếp xúc vú của bị hại trẻ N. Sau đó, cả hai tự cởi quần áo ra, bị cáo D đưa dương vật vào bên trong âm đạo của bị hại trẻ N thực hiện hành vi giao cấu, rồi xuất tinh bên ngoài. Sau đó, bị cáo D và bị hại trẻ N không liên lạc với nhau.

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo Nguyễn Đức C và bị cáo Dương Thanh D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung đã nêu trên, lời khai của các bị cáo D,

C phù hợp với lời khai của bị hại trẻ N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ, kết quả khám nghiệm hiện trường và các tài liệu chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ.

Tại Bản kết luận giám định xâm hại tình dục trẻ em số 119/KLTDTE-TTPY.2024 ngày 25/9/2024 của Trung tâm pháp y Sở Y tế Thành phố H, kết luận giám định đối với Nguyễn Lê Ánh N:

"Màng trinh dãn, không rách.

Không thấy tinh trùng trong dịch phết âm đạo, vùng âm hộ và hậu môn.

Chỉ hiện diện ADN người nam trong dịch phết vùng âm hộ nhưng không đủ làm cơ sở so sánh với AND của đối tượng".

Vật chứng vụ án:

Thu giữ của bị cáo Nguyễn Đức C:

- 01 (một) áo thun tay ngắn màu đen, bên ngực trái có in chữ "YN";
- 01 (một) quần thun ngắn màu đen, có sọc trắng hai bên;
- 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy S20 màu đen;
- Số tiền 68.600.000 đồng (sáu mươi tám triệu sáu trăm ngàn đồng).

Thu giữ của bị cáo Dương Thanh D:

- 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Airblade, màu đỏ đen, biển số 59ZA – 022.38.

Thu giữ của bị hại trẻ Nguyễn Lê Ánh N:

- 01 (một) áo ngắn tay, kiểu cài nút giữa, họa tiết sọc trắng hồng;
- 01 (một) quần ngắn, họa tiết sọc trắng hồng;
- 01 (một) áo ngắn tay, kiểu cài nút giữa, họa tiết sọc trắng đen, hai tay áo có chữ "FASHION"
- 01 (một) quần ngắn, hóa tiết sọc trắng đen, hai ống quần có chữ "FASHION";
- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus, màu đen.

Tại Cáo trạng số 481/CT-VKS-P2 ngày 10/7/2025 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố:

- Bị cáo Dương Thanh D về tội "Hiếp dâm người dưới 16 tuổi", tội phạm và hình phạt quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 142 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Bị cáo Nguyễn Đức C về tội "Thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác đối với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi" và "Cưỡng đoạt tài sản", tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 145 và điểm c, d khoản 2 Điều 170 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về trách nhiệm dân sự:

- Người giám hộ theo quy định của pháp luật là ông Nguyễn Thanh H và bà Lê Thị L1 (là cha, mẹ ruột của bị hại trẻ Nguyễn Lê Ánh N) yêu cầu bị cáo Nguyễn Đức C trả lại số tiền 68.600.000 đồng (sáu mươi tám triệu sáu trăm ngàn đồng) đã chiếm đoạt của bị hại trẻ N và không yêu cầu các bị cáo C, D bồi thường tiền tổn thất về tinh thần cho bị hại trẻ N.

- Bà Nguyễn Thị L (là mẹ ruột bị cáo Nguyễn Đức C) đã tự nguyện nộp số tiền 68.600.000 đồng (sáu mươi tám triệu sáu trăm ngàn đồng) cho Cơ quan Cảnh sát điều tra để khắc phục hậu quả.

Tại phiên toà,

Bị cáo Dương Thanh D có lời khai phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Lời sau cùng: Bị cáo D mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo D có cơ hội về nuôi con nhỏ.

Bị cáo Nguyễn Đức C có lời khai phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Lời sau cùng: Bị cáo C mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo C có cơ hội làm lại cuộc đời.

Người bào chữa cho bị cáo Dương Thanh D – Luật Sư Trần Văn T2 trình bày phần bào chữa và tranh luận tại phiên tòa: Thống nhất với tội danh mà Viện kiểm sát truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ:

+ Bị cáo D thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

+ Trong quá trình điều tra bị cáo đã tích cực hợp tác cung cấp lời khai để Cơ quan điều tra nhanh chóng khám phá ra vụ án. Nếu không có lời khai của bị cáo thì các chứng cứ khác không đủ cơ sở để buộc tội đối với bị cáo.

+ Gia đình bị cáo đã đến xin lỗi với gia đình bị hại và gia đình bị hại cảm thấy thoải mái khi nhận được lời xin lỗi của gia đình bị cáo do đó được xem như đã bồi thường về tổn thất tinh thần.

Do đó đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b-s-t khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 54 để giảm nhẹ hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đức C – Luật sư Lê Thiên Ấ trình bày phần bào chữa và tranh luận tại phiên tòa:

Thống nhất với tội danh mà Viện kiểm sát truy tố. Đề nghị Hội đồng xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ:

+ Bị cáo C thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

+ Trong quá trình điều tra bị cáo đã tích cực hợp tác cung cấp lời khai để Cơ quan điều tra nhanh chóng khám phá ra vụ án.

+ Bị cáo đã vận động gia đình để khắc phục hậu quả đối với số tiền 68.600.000 đồng (sáu mươi tám triệu sáu trăm ngàn đồng) cho gia đình bị hại.

+ Bị cáo lần đầu phạm tội và do còn trẻ nên thiếu hiểu biết.

Do đó đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b-s-t khoản 1 khoản 2 Điều 51 và Điều 54 để giảm nhẹ hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại trẻ Nguyễn Lê Ánh N – Luật sư Nguyễn Thị Kim L2 trình bày phần bào chữa và tranh luận tại phiên tòa như sau: Thống nhất với tội danh và quan điểm truy tố của Viện kiểm sát. Đề nghị HĐXX lưu ý các vấn đề:

+ Bị cáo D giao cấu với bị hại khi chưa đủ 13 tuổi đã lợi dụng tâm lý non nớt.

+ Bị cáo C nhiều lần đe dọa bị hại và lợi dụng tâm lý non nớt của bị hại để thực hiện hành vi phạm tội gây nguy hiểm cho tâm sinh lý của bé gái.

Đề nghị HĐXX có mức án nghiêm minh và ghi nhận giải quyết yêu cầu khắc phục thiệt hại của gia đình bị hại số tiền 68.600.000 đồng (sáu mươi tám triệu sáu trăm ngàn đồng).

Người đại diện theo pháp luật của bị hại trẻ Nguyễn Lê Ánh N ông Nguyễn Thanh H trình bày: Đề nghị trả lại số tiền 68.600.000 đồng (sáu mươi tám triệu sáu trăm ngàn đồng) cho bị hại. Đề nghị xử lý các bị cáo đúng quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị L vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh vẫn giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố:

- Bị cáo Dương Thanh D phạm tội "Hiếp dâm người dưới 16 tuổi" và đề nghị áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 điểm đ khoản 2 Điều 142 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xử phạt bị cáo D từ 14 (mười bốn) năm đến 15 (mười lăm) năm tù.

- Bị cáo Nguyễn Đức C phạm tội "Thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác đối với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi" và "Cưỡng đoạt tài sản" và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 145, điểm c-d khoản 2 Điều 170 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo C từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù đến 03 (ba) năm tù về tội "Thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác đối với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi" và từ 04 (bốn) năm đến 05 (năm) tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản". Tổng hợp hình phạt 02 (hai) tội là từ 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng đến 08 (tám) năm tù.

Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Quá trình điều tra, truy tố Cơ quan điều tra Công an Thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự và thủ tục theo đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tố tụng cũng như người tiến hành tố tụng. Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung bị can mà các bị cáo đã trình bày nội dung lời khai hoàn toàn tự nguyện. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa có vắng mặt Luật sư Vũ Quốc T1 bào chữa cho bị cáo Dương Thanh D, tuy nhiên bị cáo Dương Thanh D được bào chữa bởi Luật sư Trần Văn T2 và bị cáo D cũng đồng ý với việc vắng mặt của Luật sư T4 do đó phiên tòa đủ cơ sở để tiến hành.

Tại phiên tòa vắng mặt Luật sư Trần Việt L3 người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đức C, tuy nhiên bị cáo D được bào chữa bảo luật sự Trần T3 và luật sư Lê Thiên Ấ và đồng thời bị cáo đồng ý việc vắng mặt của luật sư L3 do đó phiên tòa đủ cơ sở để tiến hành.

[2] Ngày 01/6/2024, bị hại trẻ Nguyễn Lê Ánh N (sinh ngày 13/8/2011), sử dụng mạng xã hội Facebook với tài khoản Facebook tên "Ánh Qọk" kết bạn với tài khoản Facebook tên "Nguyên A" (bị cáo Nguyễn Đức C sử dụng) để nhắn tin nói

chuyện với nhau. Đến giữa tháng 6/2024, bị hại trẻ Nguyễn Lê Ánh N và bị cáo Nguyễn Đức C nảy sinh tình cảm với nhau nên bị cáo C nhắn tin rủ bị hại trẻ N gọi video để quay ngực và bộ phận sinh dục bị hại trẻ N, còn bị cáo C quay bộ phận sinh dục nam. Bị hại trẻ N đồng ý gọi video khỏa thân với bị cáo C.

Sau đó từ ngày 24/6/2024, bị cáo C nhiều lần nhắn tin nói với bị hại trẻ N là video khỏa thân của bị hại trẻ N đã bị một người bạn của bị cáo C copy clip đăng lên mạng xã hội để uy hiếp tinh thần trẻ N và yêu cầu trẻ N nhiều lần chuyển tiền để xóa clip. Do lo sợ nên trẻ N đã nhiều lần chuyển tiền vào Tài khoản cho bị cáo C mở tại Ngân hàng A1 và ngân hàng T6 với tổng số tiền mà bị cáo và bị hại cùng thừa nhận là khoảng 18.600.000 đồng (mười tám triệu sáu trăm ngàn đồng).

Khoảng giữa tháng 8/2024, bị cáo C tiếp tục nhắn tin với bị hại trẻ N là không gỡ được video khỏa thân của bị hại trẻ N và tiếp tục đưa số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) cho bị cáo C, bị hại trẻ N đồng ý. Vào ngày 21/8/2024 bị hại trẻ N đưa tiền mặt cho bị cáo C 20.000.000 đồng và vào ngày 30/8/2024 trẻ N đưa tiền mặt cho bị cáo C 30.000.000 đồng; các lần đưa tiền đều ở gần trường T7, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh. Đến ngày 03/9/2024, bà Lê Thị L1 (mẹ của trẻ N) phát hiện vụ việc nên đưa bị hại trẻ N đến Công an P1, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh trình báo.

Ngoài ra vào ngày 14/8/2024, tại lầu 2 nhà số E Đ, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh (nhà của bị cáo C), bị cáo C yêu cầu bị hại trẻ N dùng miệng tiếp xúc dương vật của bị cáo C, bị hại trẻ N đồng ý. Trong lúc bị hại trẻ N dùng miệng tiếp xúc dương vật của bị cáo C 15 phút thì bị cáo C xuất tinh ra ngoài.

Quá trình điều tra, thì phát hiện bị hại trẻ N còn bị bị cáo Dương Thanh D hiếp dâm nhiều lần, cụ thể như sau:

Vào khoảng 13 giờ 30 phút ngày 26/7/2024, bị cáo D sử dụng xe mô tô hiệu Honda Airblade, màu đỏ đen, biển số 59ZA – 022.38 đến trường Trung học Cơ sở K1, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh rồi chở bị hại trẻ N (12 tuổi 11 tháng 13 ngày) đến khách sạn L7, số G đường D, Phường F, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh thuê phòng số 303. Tại phòng khách sạn, bị cáo D và bị hại trẻ N quan hệ tình dục. Sau đó, bị cáo D chở bị hại trẻ N về nhà.

Tiếp theo vào khoảng 13 giờ 30 phút ngày 03/8/2024, bị cáo D điều khiển xe mô tô hiệu Honda Airblade, màu đỏ đen, biển số 59ZA – 022.38 đến chung cư P, huyện N đón và chở bị hại N đến khách sạn B1, số B, lô B đường D5, khu dân cư P, phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh thuê phòng số 301. Tại phòng khách

sạn, bị cáo D và bị hại trẻ N (thời điểm trẻ N 12 tuổi 11 tháng 20 ngày) quan hệ tình dục. Sau đó, bị cáo D chở bị hại trẻ N về nhà. Sau đó cả hai không còn liên lạc.

Tại Bản kết luận giám định xâm hại tình dục trẻ em số 119/KLTDTE-TTPY.2024 ngày 25/9/2024 của Trung tâm pháp y Sở Y tế Thành phố H, kết luận giám định đối với Nguyễn Lê Ánh N:

"Màng trinh dãn, không rách.

Không thấy tinh trùng trong dịch phết âm đạo, vùng âm hộ và hậu môn.

Chỉ hiện diện ADN người nam trong dịch phết vùng âm hộ nhưng không đủ làm cơ sở so sánh với AND của đối tượng".

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo Nguyễn Đức C và bị cáo Dương Thanh D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung đã nêu trên, lời khai của các bị cáo D, C phù hợp với lời khai của bị hại trẻ N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ, kết quả khám nghiện hiện trường và các tài liệu chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ.

[3] Các bị cáo Dương Thanh D, Nguyễn Đức C có năng lực trách nhiệm hình sự, ý thức được hành vi của mình là trái pháp luật nhưng vẫn thực hiện nên có lỗi cố ý.

[4] Hành vi của các bị cáo Dương Thanh D, Nguyễn Đức C là nguy hiểm cho xã hội không những đã xâm phạm đến sức khỏe, danh dự, nhân phẩm và sự phát triển bình thường về tâm sinh lý của trẻ em. Ngoài ra hành vi của bị cáo C còn xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác. Do đó, cần phải bị xử lý nghiêm trước pháp luật để răn đe, giáo dục đối với các bị cáo và phòng ngừa chung đối với xã hội.

[5] Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo Dương Thanh D, Nguyễn Đức C đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, qua lời khai nhận tội của bị cáo, cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định:

- Bị cáo Dương Thanh D phạm tội "Hiếp dâm người dưới 16 tuổi", tội phạm và hình phạt quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 142 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Bị cáo Nguyễn Đức C phạm tội "Thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác đối với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi" và "Cưỡng đoạt tài sản", tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 145 và điểm c-d khoản 2 Điều 170 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo Dương Thanh D ăn năn, hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đối với bị cáo D việc bị cáo cung cấp lời khai đối với vụ án là thể hiện việc bị cáo thành khẩn khai báo và đã được xem xét tại tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự do đó không áp dụng điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

Đối với việc gia đình bị cáo đến xin lỗi gia đình bị hại chỉ là thể hiện thái độ ăn năn hối cải. Việc Luật sư bào chữa cho rằng việc gia đình bị cáo đã xin lỗi và làm cho bị cáo thoải mái là đã bồi thường thiệt hại là không phù với quy định tại Điều 584 và 585 của Bộ luật Dân sự 2015 nên không xem xét chấp nhận.

- Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Đức C thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và bị cáo đã yêu cầu gia đình của mình giao nộp cho Cơ quan Công an số tiền 68.600.000 đồng đã chiếm đoạt để trả lại cho bị hại do đó được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đối với bị cáo C việc bị cáo cung cấp lời khai về sự thật khách quan là thể hiện việc thành khẩn khai báo và được xem xét tại tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự do đó không áp dụng điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

[7] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Nguyễn Đức C nhiều lần đưa thông tin để uy hiếp tinh thần bị hại để bị hại nhiều lầnchuyển tiền cho bị cáo do đó áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Đối với hành vi của các bị cáo lợi dụng sự non nớt của trẻ em gái là đối tượng yếu thế để quan hệ tình dục. Bị cáo C có hành vi quan hệ tình dục khác đối với bị hại khi bị hại chỉ mới bước qua tuổi 13 được 1 ngày. Bị cáo C chỉ vì tham lam mà nhiều lần uy hiếp tinh thần của trẻ N một đứa trẻ chưa có thu nhập mà phải kiếm tiền để giao cho bị cáo để đưa cho bị cáo. Do đó cần có mức hình phạt nghiêm khắc để mang tính răn đe và giáo dục đối với các bị cáo.

[8] Về xử lý vật chứng:

Đối với các đồ vật thu giữ của bị cáo Nguyễn Đức C:

- Đối với 01 (một) áo thun tay ngắn màu đen, bên ngực trái có in chữ "YN"; 01 (một) quần thun ngắn màu đen, có sọc trắng hai bên là các đồ vật không có giá trị sử dụng và bị cáo C không nhận lại nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu S2 Galaxy S20 màu đen là điện thoại của bị cáo C dùng để nhắn tin thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu nộp Ngân sách nhà nước;

Đối với các đồ vật thu giữ của bị cáo Dương Thanh D:

- Đối với 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Airblade, màu đỏ đen, biển số 59ZA – 022.38, SK:RLHJF4605DY270463, SM: JF46E4128220 là xe gắn máy của bị cáo D và không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo D nên trả lại xe gắn máy cho bị cáo D.

Đối với các đồ vật thu giữ của bị hại Nguyễn Lê Ánh N:

- Đối với 01 (một) áo ngắn tay, kiểu cài nút giữa, họa tiết sọc trắng hồng; 01 (một) quần ngắn, họa tiết sọc trắng hồng; 01 (một) áo ngắn tay, kiểu cài nút giữa, họa tiết sọc trắng đen, hai tay áo có chữ "FASHION" 01 (một) quần ngắn, họa tiết sọc trắng đen, hai ống quần có chữ "FASHION" là các đồ vật không có giá trị sử dụng và bị hại trẻ N không nhận lại nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus, màu đen là điện thoại cá nhân của bị hại trẻ N nên trả lại cho bị hại trẻ Nguyễn Lê Ánh N.

[9] Trách nhiệm dân sự:

Người đại diện hợp pháp của trẻ N là ông Nguyễn Thanh H và bà Lê Thị L1 (là cha, mẹ ruột của bị hại trẻ Nguyễn Lê Ánh N) yêu cầu bị cáo C giao trả lại cho bị hại số tiền 68.600.000 đồng (sáu mươi tám triệu sáu trăm ngàn đồng) mà bị cáo C đã chiếm đoạt. Ngoài ra đại diện của trẻ N không yêu cầu các bị cáo C, D bồi thường tiền tổn thất về tinh thần cho bị hại trẻ N do đó không xem xét giải quyết. Tại phiên tòa bị cáo C đồng ý trả cho trẻ N số tiền đã chiếm đoạt là 68.600.000 đồng mà đã nộp cho cơ quan Công an. Do đó giao số tiền 68.600.000 đồng (sáu mươi tám triệu sáu trăm ngàn đồng) cho bị hại trẻ Nguyễn Lê Ánh N (có đại diện là ông Nguyễn Thanh H và bà Lê Thị L1)

[10] Về án phí:

- Bị cáo Dương Thanh D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).

- Bị cáo Nguyễn Đức C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 50, điểm đ khoản 2 Điều 142, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Dương Thanh D 15 (mười lăm) năm tù về tội "Hiếp dâm người dưới 16 tuổi". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/9/2024.

Căn cứ Điều 50, khoản 1 Điều 145, điểm c-d khoản 2 Điều 170, điểm b- s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 55,Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức C 03 (ba) năm tù về tội "Thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác đối với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi" và 06 (sáu) năm tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản". Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành chung hình phạt cho cả hai tội là 09 (chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/9/2024.

Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) áo thun tay ngắn màu đen, bên ngực trái có in chữ "YN"; 01 (một) quần thun ngắn màu đen, có sọc trắng hai bên;

- Đối với 01 (một) áo ngắn tay, kiểu cài nút giữa, họa tiết sọc trắng hồng; 01 (một) quần ngắn, họa tiết sọc trắng hồng; 01 (một) áo ngắn tay, kiểu cài nút giữa, họa tiết sọc trắng đen, hai tay áo có chữ "FASHION" 01 (một) quần ngắn, họa tiết sọc trắng đen, hai ống quần có chữ "FASHION".

Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy S20 màu đen.

Trả lại cho bị cáo Dương Thanh D 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Airblade, màu đỏ đen, biển số 59ZA – 022.38 SK:RLHJF4605DY270463, SM: SM: JF46E4128220 (không gương, dàn nhựa bể, xe cũ rỉ sét, máy móc bên trong không kiểm tra được)

- Trả lại 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone màu đen cho bị hại trẻ Nguyễn Lê Ánh N (có người đại diện hợp pháp là: bà Lê Thị L1 và ông Nguyễn Thanh H)

(Toàn bộ vật chứng ghi nhận tại Biên bản giao nhận tang tài vật số: NK2025/546 ngày 01/8/2025 của Thi hành án Dân sự Thành phố H).

Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2014

- Giao số tiền 68.600.000 (sáu mươi tám triệu sáu trăm ngàn đồng) cho trẻ Nguyễn Lê Ánh N (có người đại diện hợp pháp là: bà Lê Thị L1 và ông Nguyễn Thanh H) Số tiền được ghi nhận tại Giấy nộp tiền ngày 09/7/2025 của Ngân hàng TMCP C1 – Chi nhánh A2.

Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Án phí hình sự sơ thẩm:

Bị cáo Dương Thanh D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).

Bị cáo Nguyễn Đức C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Áp dụng Điều 331, Điều 333, Điều 336 và Điều 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Các bị cáo, người đại diện pháp luật của bị hại, Luật sư bào chữa cho bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tống đạt, niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- VKSND KV1, TP.HCM;
- VKSND TP. HCM;
- TAND TP. HCM;
- THADS TP.HCM (Phòng THADS KV1);
- PC53 - CATP.HCM;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hoài Nam Phương